

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2001/NQ.HĐND k6

TX Vinh Long, ngày 28 tháng 06 năm 2001

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG
KHÓA VI, KỲ HỌP LẦN THỨ V

Về việc phân vạch địa giới ấp của 23 xã thuộc 4 huyện
(Bình Minh, Long Hồ, Mang Thít và Tam Bình)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG

- Căn cứ điều 120 Hiến Pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;
- Căn cứ khoản 4, điều 18, mục 1, chương II, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy Ban nhân dân (sửa đổi) được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 21/6/1994;
- Sau khi xem xét tờ trình số 07/TT.UBT ngày 18/4/2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh, và ý kiến thảo luận của đại biểu, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

- Điều I :** Nay phân vạch địa giới ấp của 23 xã thuộc 4 huyện (Bình Minh, Long Hồ, Mang Thít và Tam Bình) từ 48 ấp cũ chia thành 93 ấp mới (có phụ lục kèm theo).
- Điều II:** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa Nghị quyết thành văn bản hướng dẫn cụ thể; đồng thời chỉ đạo các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện - thị nói trên, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Nghị quyết này.
- Điều III:** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.
- Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI thông qua tại kỳ họp lần thứ 5 ngày 28 tháng 06 năm 2001./.

TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Sở Ban ngành - huyện thị có liên quan
- LƯU



NGUYỄN VĂN QUÂN



**BẢNG THỐNG KÊ CHIA ẤP CỦA CÁC HUYỆN
BÌNH MINH, LONG HỒ, MANG THỊT VÀ TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số : 18/2001/NQ-HBND.K6, ngày 28/6/2001 của HBND tỉnh khóa VI)

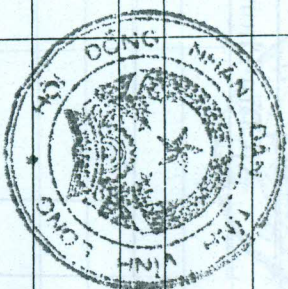
Số	TÊN XÃ	HIỆN TRĂNG			TÊN ẤP MỚI			GHI CHÚ
TT		D.T tự nhiên	Họ	Dân Số	Tên Ấp	D.T tự nhiên (ha)	Họ	Dân Số
1.	Xã Thuận An							
1	Ấp Thuận Tiến	386	1.325	6.047	Thuận Tiến A	108	650	2.954
					Thuận Tiến B	137	344	1.718
					Thuận Tiến C	141	331	1.375
2	Ấp Thuận Phú	551	544	2.584	Thuận Phú A	129	274	1.256
					Thuận Phú B	214	177	884
					Thuận Phú C	208	93	444
3	Ấp Thuận Thành	251	280	1.240	Thuận Thành A	159	161	727
					Thuận Thành B	92	119	513
4	Ấp Thuận Nghĩa	273	257	1.226	Thuận Nghĩa A	102	101	476
					Thuận Nghĩa B	171	156	750
5	Ấp Thuận Tân	404	608	3.383	Thuận Tân A	275	484	2.155
					Thuận Tân B	129	144	1.228
11	Xã Đông Bình							
1	Ấp Đông Bình	204	559	2.593	Đông Bình	73	252	1.168
					Đông Thuận	131	307	1.425
2	Ấp Đông Bình B	243	450	2.266	Đông Bình B	110	212	986
					Đông An	130	238	1.280
III	Xã Thành Trung							

	Ấp Thành Sơn và Ấp Thành Quế	432.95	316	1.688	Thành Sơn Thành Quế Thành Giang	130.68 157.51 144.76	118 92 106	579 544 565	
IV	Xã Mỹ Thuận								
1	Ấp Mỹ Trung	361.48	373	1.770	Mỹ Trung A Mỹ Trung B	187.43 174.05	181 192	811 859	
2	Ấp Mỹ Thạnh B	381.74	389	1.920	Mỹ Thạnh B Mỹ Thạnh C	205.70 176.04	217 172	1.116 804	
V	Xã Tân Hưng Ấp Tân Phước Xã Tân Hưng có 5 hộ gia đình, 22 nhân khẩu. Xin được nhập với ấp Hưng An có 29 hộ gia đình, 116 nhân khẩu. Lấy tên là ấp Hưng An có diện tích 202 ha, 34 hộ gia đình, 138 nhân khẩu								
HUYỆN LONG HỒ									
I	Xã Long An								
1	Ấp An Lương	202.63	350	1.798	An Lương A An Lương B	101.94 100.69	203 147	902 896	
II	Xã Phú Đức								
1	Ấp Phú An	1.17.18	256	1.243	Phú An An Thuận	164.03 147.51	322 242	1.488 1.116	
2	Ấp Phú Thuận	187.36	299	1.339					
	01 phần ấp An Hòa	7.00	9	22					
III	Xã Long Phước								
1	Ấp Long Thuận	190.28	521	2.556	Long Thuận Long Thuận A	94.90 95.38	295 226	1.395 1.161	
2	Ấp Phước Nguồn B	705.59	921	4.826	Phước Nguồn	151.35	277	1.416	
3	Ấp Phước Lợi A				Phước Nguồn B	209.43	257	1.332	
4	Ấp Phước Trinh B				Phước Lợi A	124.71	159	843	
					Phước Trinh B	220.10	228	1.135	
5	Ấp Phước Trinh A	244.00	335	1.742	Phước Trinh	127.02	184	944	

				Phước Trinh A		116.98	151	798	
IV Xã Thanh Quới									
1	Ấp Hoà Thanh 1	377.8	381	1.814	Ấp Hoà Thanh 1 Ấp Hoà Thanh	212.9 164.9	226 158	908 906	
2	Ấp Hoà Thanh 2	401.10	276	1718	Ấp Hoà Thanh 2 Ấp Hoà Thanh 3	213.8 187.3	154 122	857 861	
3	Ấp Phước Lợi	370.70	380	1.904	Ấp Phước Lợi Ấp Thạnh Lợi	172.3 189.8	209 171	943 961	
V Xã Phú Quới									
1	Ấp Phú Long	310.50	494	2443	Ấp Phú Long A Ấp Phú Long B	130.40 180.10	271 223	1.448 995	
2	Ấp Phú Thạnh	338.71	566	2.757	Ấp Phú Thạnh A Ấp Phú Thạnh B	159.91 178.8	305 261	1.486 1.271	
3	Ấp Phước Bình	341.54	490	2.491	Ấp Phước Bình A Ấp Phước Bình B	161.07 180.47	196 294	998 1.493	
4	Ấp Phước Yên	340.86	505	2.305	Ấp Phước Yên A Ấp Phước Yên B	180.7 160.16	278 227	1.268 1.037	
VI Xã Đồng Phú									
1	Ấp Phú Mỹ 1	356.91	379	1.833	Ấp Phú Mỹ Ấp Phú Mỹ 1	182.96 173.95	176 203	840 993	

HUYỆN MANG THÍT

I Xã Nhơn Phú									
1	Ấp Phú Thạnh A	212.56	319	1182	Ấp Phú Thạnh A Ấp Chợ	118.78 93.78	158 101	654 528	
II Xã Tân Long Hội									
1	Ấp Tân Phong 2	181.64	224	1129	Ấp Tân Phong 2 Phản tách	156.7 24.94	184 40	916 213	để thành lập ấp Tân Qui



2	Ấp Rạch Mương	173.06	247	1152	Ấp Tân Tiến	124.27	201	891	Hội tên ấp Rạch Mương
					Phân tách	48.79	46	261	để thành lập ấp Tân Qui
3	Ấp Tân Phong I	153.73	247	1315	Ấp Tân Phong I	94.20	145	809	
					Phân tách	59.53	102	506	để thành lập ấp Tân Qui
					Ấp Tân Qui	24.94	40	213	phần tách TP2
						48.79	46	261	Phần tách RM
						59.53	102	506	Phần tách TP1
						133.26	188	980	

HUYỆN TAM BÌNH

I	Xã Mỹ Thạnh Trung								
1	Ấp Mỹ Trung I	246.39	445	2204	Ấp Mỹ Trung I	127.72	273	1346	
					Ấp Mỹ Hưng	118.67	172	858	
2	Ấp Mỹ Phú 4	352.94	445	2174	Ấp Mỹ Phú 4	167.83	221	1075	
					Ấp Bằng Tăng	185.11	224	1099	
II	Xã Tường Lộc								
1	Ấp Tường Trí B	297.49	446	2221	Ấp Tường Trí	146.75	241	1147	
					Ấp Tường Trí B	50.74	205	1074	
2	Ấp Tường Nhơn A	232.83	305	1753	Ấp Tường Nhơn A	128.50	195	1045	
					Ấp Tường Nhơn	127.20	210	1046	
III	Xã Hậu Lộc								

I ẤP 4		285.63	322	1540	ẤP 4	133.82	161	751	
					Ấp Đanh Tâm	151.81	161	789	
2	Ấp 7	354.99	236	1363	Ấp 7	142.97	101	622	
					Ấp Kinh Ngay	212.02	135	741	
IV Xã Tân Lộc									
1	Ấp 9	283.63	250	1231	Ấp 9	170.68	161	780	
					Ấp Tân Lợi	112.95	89	451	
V Xã Phú Lộc									
1	Ấp 3A	336.75	420	2020	Ấp 3A	167.31	222	1115	
					Ấp Phú Tân	169.44	198	905	
2	Ấp 5	324.73	311	1595	Ấp 5	161.27	154	789	
					Ấp Cây Diều	163.46	157	806	
VI Xã Mỹ Lộc									
1	Ấp 6A	502.75	276	1426	Ấp 6A	254.53	159	796	
					Ấp Cái Sơn	248.22	117	630	
2	Ấp 9	384.46	362	1768	Ấp 9	219.01	169	839	
					Ấp Mỹ Phú	165.45	193	929	
3	Ấp 10	404.55	260	1298	Ấp 10	239.00	130	660	
					Ấp Mỹ Tân	165.55	130	638	
VII Xã Song Phú									
1	Ấp Phú Hữu Yên	377.25	525	2548	Ấp Phú Hữu Yên	205.7	202	1037	
					Ấp Phú Trường Yên	171.55	323	1511	
VIII Xã Phú Thịnh									
1	Ấp Phú Hưng	566.94	370	1991	Ấp Phú Hưng	273.06	177	904	
					Ấp Phú Hữu Tây	293.88	193	1087	
IX Xã Bình Ninh									



1	Ấp An Thạnh A	205.5	248	1058	Ấp An Thạnh A	97.3	127	543	
					Ấp An Thạnh	108.2	121	515	
2	Ấp An Hoà A	429.4	340	1921	Ấp An Hoà A	213.90	142	830	
					Ấp An Hoà	215.5	198	1091	Tách 1 phần diện tích, dân số của ấp An Hoà B nhập vào
X	Nã Loan Mỹ								
1	Ấp Tổng Hưng	415.97	321	1587	Ấp Tổng Hưng	188.43	151	740	
					Ấp Tổng Hưng B	227.54	170	847	
2	Ấp Đại Thọ	316.1	417	1984	Ấp Đại Thọ	175.53	243	1135	
					Ấp Đại Nghĩa	140.57	174	849	
3	Ấp Thông Nguyên	203.39	376	1935	Ấp Thông Nguyên	141.76	196	1077	
					Ấp Tân Nguyên	61.63	180	858	

Đợt này có: 23 xã thuộc 4 Huyện Bình Minh, Long Hồ, Mang Thít và huyện Tam Bình đề nghị chia 48 ấp thành 93 ấp mới và xác nhập 2 ấp thành 1 ấp mới. Nâng tổng số ấp khóm của tỉnh lên: 846 ấp - khóm (71 khóm, 775 ấp).